

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT

Ngày 21-12-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2023, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 152/2023/QĐ-CA ngày 16/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 165/2023/QĐ-CA ngày 20/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn L, sinh năm 1984. Cư trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – Luật sư văn phòng Luật sư H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1989. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Triệu Thị Kim L - Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Đường C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nông Thị M, sinh năm 1958; vắng mặt.
2. Chị Nông Thị T, sinh năm 1982; vắng mặt.
3. Anh Nông Văn T, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

4. Ông Nông Minh H, sinh năm 1960; cư trú tại: Thôn M, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Ông Ngô Xuân C, sinh năm 1960; cư trú tại: Đường T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Anh Nguyễn Đường H, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Ngân hàng C; địa chỉ: Phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T - Giám đốc, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nông Văn L là nguyên đơn; chị Nguyễn Thu H là bị đơn và anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nông Văn L và Chị Nguyễn Thu H kết hôn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2015 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ngày 03/01/2023, anh Nông Văn L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thu H. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thu H nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Nông Văn L và chị Nguyễn Thu H tranh chấp nhau về nuôi con: Anh Nông Văn L và chị Nguyễn Thu H có 01 con chung là cháu Nông Thanh T, sinh ngày 21/11/2018, hiện cháu đang ở cùng chị Nguyễn Thu H. Khi

ly hôn, anh Nông Văn L và chị Nguyễn Thu H đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung khi ly hôn: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà hai bên tranh chấp thể hiện: Tài sản các đương sự đang tranh chấp gồm có 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios, biển kiểm soát 30E-957.74 giá trị chiếc xe là 160.000.000đồng. Ngôi nhà 02 tầng, tổng diện tích là 198,2m², tại Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, xây dựng năm 2014. Tổng giá trị nhà cửa, vật kiến trúc 507.702.000đồng (đã làm tròn số).

Về nợ chung: Nợ anh Đường Văn Huân 220.000.000đồng, không tính lãi và nợ bà Đinh Thị L 150.000.000đồng lãi xuất theo Ngân hàng nhà nước là 09%/năm tính từ ngày vay 09/4/2019.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nông Văn L trình bày: Anh Nông Văn L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thu H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nông Thanh T, không yêu cầu chị Nguyễn Thu H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh Nông Văn L là lái xe hợp đồng cho Công ty B, tại thành phố L, mỗi tháng thu nhập từ lương là 18.000.000 đồng/tháng, trường hợp con ở với anh thì không đưa đón, chăm sóc con được mà do bà nội là mẹ đẻ anh sẽ hỗ trợ trong thời gian anh đi làm xa nhà; về nhà ở, từ trước đến nay anh vẫn ở chung nhà ở cùng mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Về nguồn gốc xe ô tô biển kiểm soát 30E-957.74 do anh mua lại xe cũ, đã qua sử dụng của ông Ngô Xuân C ở thành phố L ngày 06/4/2022 với giá 243.000.000 đồng sau khi đã ly thân với chị Nguyễn Thu H, tiền mua xe là tiền riêng anh đi làm lái xe tích góp được không phải tiền chung của vợ chồng, do đó anh không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe này cho chị Nguyễn Thu H. Trường hợp Tòa án xác định chiếc xe là tài sản chung, thì anh yêu cầu được sở hữu xe và có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 80.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thu H theo kết quả định giá của Hội đồng định giá và yêu cầu chị Nguyễn Thu H phải trả lại cho anh toàn bộ bản chính giấy tờ xe. Đối với ngôi nhà 02 tầng tổng diện tích là 198,2m² tại Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là tài sản riêng của mẹ anh xây dựng năm 2014 bằng tiền mẹ anh chăn nuôi làm kinh tế tích góp được, vay mượn Ngân hàng Chính sách xã hội và vay tiền chị gái anh là Nông Thị T để xây. Bố anh và các anh chị em trong gia đình anh không ai có đóng góp gì vào ngôi nhà đang tranh chấp này. Tháng 12 năm 2015 anh mới kết hôn với chị Nguyễn Thu H, tháng 4 năm 2022 chị Nguyễn Thu H mới đăng ký nhập hộ khẩu vào chung hộ khẩu với mẹ con anh nhưng thực tế chị không ở đây mà thuê nhà ở thành phố Lạng Sơn nên chị Nguyễn Thu H không có đóng góp công sức hay vật chất gì vào ngôi nhà do mẹ anh xây năm 2014. Do vậy, anh không đồng ý xác định ngôi nhà tranh chấp là tài sản chung vợ chồng và không đồng ý thanh toán công sức đóng góp là $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà cho chị Nguyễn Thu H. Đối với các tài sản trong ngôi nhà không có tranh chấp nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đối với 02 khoản nợ anh Nguyễn Đường H em trai chị Nguyễn Thu H tổng số tiền gốc 220.000.000 đồng, trong đó gồm 70.000.000 đồng vay để trả chi phí xây dựng ngôi nhà 02 tầng đang tranh chấp ở thôn Đ, xã Q, huyện C và số tiền 150.000.000 đồng vay để trả góp tiền mua mới chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-06552 đã bán trước đó và 01 khoản nợ của bà Đinh Thị L vợ chị Nguyễn Thu H 150.000.000 đồng tiền gốc vay để trả góp tiền mua mới chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-06552 đã bán trước đó, đều là nợ riêng của chị Nguyễn Thu H tự đi vay, không phải là nợ chung của vợ chồng. Đối với các giấy cho vay tiền đề ngày 06/9/2017; giấy mượn tiền đề ngày 12/11/2017; giấy vay tiền đề ngày 09/4/2019 (đều bản chính) do chị Nguyễn Thu H giao nộp cho Tòa án, dù trên các giấy này có ghi họ tên của anh bên người vay nhưng do những người cho vay tự ghi vào, không phải là chữ viết của anh và anh cũng không ký vay mượn tiền của anh Nguyễn Đường H và bà Đinh Thị L. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về án phí và chi phí tố tụng anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thu H trình bày: Do vợ chồng không còn tình cảm nên chị cũng nhất trí ly hôn với anh Nông Văn L, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nông Thanh T, yêu cầu anh Nông Văn L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng, hiện chị đang làm nhân viên hợp đồng tại Bệnh viện P với mức lương trung bình là 7.225.000 đồng/tháng; chị làm việc giờ hành chính nên chị có thời gian đưa đón, chăm sóc con; tiền ăn, học của con hiện do chị đóng.

Về nguồn gốc xe ô tô biển kiểm soát 30E-957.74 và thời điểm mua đúng như anh Nông Văn L trình bày. Vợ chồng chị thống nhất mua xe này để chồng chị làm phương tiện đi làm ăn, chạy xe chở khách thuê, kiếm tiền lo cho cuộc sống gia đình và nuôi con. Nguồn tiền mua xe trên là tiền chung của vợ chồng đã bán đi chiếc xe ô tô ban đầu biển kiểm soát 12C-065.52 vợ chồng mua mới năm 2017 bằng hình thức mua trả góp, có thể chấp bằng chính chiếc xe này tại Ngân hàng A, hàng tháng phải trả gốc và lãi, có tháng do anh Nông Văn L trả, có tháng do chị trả, đến năm 2020 bán xe thì anh chị mới trả nợ xong tiền mua xe cho Ngân hàng A. Sau đó vợ chồng mua xe ô tô biển kiểm soát 30E-957.74 đang tranh chấp, do anh Nông Văn L đứng ra giao dịch, mua xe. Hiện nay chị đang giữ giấy tờ xe ô tô đó, chị yêu cầu được sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 30E-957.74 và chị có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho anh Nông Văn L là 80.000.000 đồng theo kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Đối với ngôi nhà hai tầng đang tranh chấp có tổng diện tích là 198,2m² do bà Nông Thị M (mẹ chồng) hiện đang quản lý, sử dụng để ở tại Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Anh Nông Văn L và gia đình chồng chị trình bày về nguồn gốc, năm xây dựng ngôi nhà năm 2014 và các nội dung khác liên quan đến ngôi nhà 02 tầng là không đúng. Vì ngôi nhà được vợ chồng chị xây dựng năm 2017, chị có đơn xin xác nhận về tài sản là ngôi nhà đang tranh chấp của trưởng thôn Đ và UBND xã Q xác nhận ngày 05/4/2023 và lời khai của những người làm chứng cho chị làm căn cứ chứng minh; về tiền xây nhà một phần là

tiền lương vợ chồng chị tích góp được trong thời kỳ hôn nhân và một phần từ tiền vợ chồng cùng đi vay 70.000.000 đồng tiền gốc của em trai chị là anh Nguyễn Đường H vào ngày 12/11/2017. Ngoài ra chị còn có bản phô tô hóa đơn bán hàng của cửa hàng phân phối sơn T đề ngày 02/01/2020; 01 tờ bảng kê theo hóa đơn chi tiết từng ngày số hàng và tiền nợ của khách cần thu ngắn hạn phát sinh từ ngày 26/02/2018 tạm tới năm 2018, ghi tên khách hàng anh chị L thôn Đ, xã Q và 01 tờ giấy có tiêu đề “thanh toán với Đ” thể hiện việc anh Nông Văn L chồng chị thanh toán tiền công cho anh Đ là thợ xây ngôi nhà đang tranh chấp. Các tài liệu trên là căn cứ để chứng minh ngôi nhà được xây năm 2017 và là tài sản chung vợ chồng chị, không phải tài sản riêng của mẹ chồng là bà Nông Thị M như anh Nông Văn L và gia đình chồng chị trình bày. Do đó, chị yêu cầu Tòa án xác định ngôi nhà 02 tầng là sản chung của vợ chồng xây năm 2017, có giá trị theo giá trị nhà xây năm 2017 là 602.896.000 đồng theo kết quả của Hội đồng định giá. Chị yêu cầu để cho anh Nông Văn L được quyền sở hữu ngôi nhà và phải thanh toán công sức đóng góp của chị vào việc tạo lập, xây dựng ngôi nhà bằng 1/2 giá trị ngôi nhà. Còn đối với các tài sản trong ngôi nhà 02 tầng gồm ti vi, bộ bàn ghế, kệ ti vi, ti vi, tủ lạnh, giường ngủ, các đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, các công trình phụ, nhà bếp ... không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 06/9/2017 cần vay tiền để trả góp tiền mua mới chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-06552 (đã bán), vợ chồng chị cùng đến gặp em Nguyễn Đường H để vay 150.000.000 đồng tiền gốc, không tính lãi. Đến ngày 12/11/2017, khi thiếu tiền để trả chi phí xây dựng ngôi nhà 02 tầng đang tranh chấp vợ chồng chị cùng nhau đến nhà em trai chị là Nguyễn Đường H hỏi vay số tiền gốc 70.000.000 đồng không tính lãi. Tổng số tiền nợ em trai chị Nguyễn Đường H là 220.000.000 đồng. Ngày 09/4/2019, khi cần tiền để trả tiền mua trả góp xe ô tô biển kiểm soát 12C-06552, vợ chồng chị đến gặp mẹ của chị là bà Đinh Thị L để vay 150.000.000 đồng tiền gốc, hai bên thỏa thuận vợ chồng chị phải trả lãi hàng tháng cho bà Đinh Thị L theo mức lãi xuất của ngân hàng hiện hành, khi nào có điều kiện sẽ thanh toán trả cả vốn và lãi theo quy định; đến nay chưa trả được khoản vay nào nêu trên. Mỗi lần vay đều có lập giấy tờ vay nợ, trong 03 giấy vay đó có ghi họ tên của hai vợ chồng chị bên người vay, nhưng do những người cho vay là anh Nguyễn Đường H và bà Đinh Thị L tự ghi vào giấy tờ, không phải là chữ viết của vợ chồng chị và anh Nông Văn L cũng không ký tên bên người vay mượn tiền trong 03 giấy vay nêu trên, chỉ có chị là người ký bên người vay trong cả 03 giấy vay mượn đó. Ngoài ra, chị có 01 file ghi âm nội dung cuộc nói chuyện được chị ghi bằng điện thoại của chị, giữa chị và mẹ chồng vào các ngày 12/7/2022, ngày 16/7/2022 trong thời gian chồng chị chưa viết đơn xin ly hôn, trong đó chị có kể cho mẹ chồng chị biết vấn đề vợ chồng chị vay nợ tiền bên ngoài... Chị Nguyễn Thu H cho rằng các khoản nợ trên là nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, do vậy chị yêu cầu anh Nông Văn L và chị mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ tổng số tiền nợ gốc cho anh Nguyễn Đường H và trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc, lãi cho bà Đinh Thị L với mức lãi xuất ngân hàng nhà nước là 09%/năm tính từ ngày vay 09-4-2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án ngày 06/7/2023, trong đó mỗi người phải trả cho anh Nguyễn Đường H số

tiền 110.000.000 đồng tiền nợ gốc; trả cho bà Đinh Thị L số tiền 75.000.000 đồng nợ gốc và $\frac{1}{2}$ tổng số tiền lãi tính từ ngày vay 09/4/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án ngày 25/7/2023 với mức lãi xuất ngân hàng nhà nước là 09%/năm. Về án phí và chi phí tố tụng chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị M, ông Nông Minh H, chị Nông Thị T nhất trí với phần trình bày của anh Nông Văn L về phần ngôi nhà đang có tranh chấp.

Bà Đinh Thị L và anh Nguyễn Đường H nhất trí với phần trình bày của chị Nguyễn Thu H về phần nợ.

Ông Ngô Xuân C trình bày: Ngày 06/4/2022 ông bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA (VIOS NCP93L BEMRKU), màu sơn bạc, biển kiểm soát 30E-954.74, số khung RL4BT923-XC9518520, số máy 1NZY521213, sản xuất năm 2012, xe cũ đã qua sử dụng cho anh Nông Văn L, với giá thỏa thuận 243.000.000 đồng, ông và anh Nông Văn L đã lập giấy bán xe ô tô đề ngày 06/4/2022 làm căn cứ, ông đã nhận đủ tiền bán xe từ anh Nông Văn L và đã giao xe cùng toàn bộ bản gốc giấy tờ xe ô tô cho anh Nông Văn L giữ. Khi ông và anh Nông Văn L thỏa thuận mua bán xe, anh Nông Văn L là người trực tiếp giao dịch, thỏa thuận, trả tiền mua xe, nhận xe và giấy tờ xe từ ông. Ông không giao dịch hay mua bán xe này với vợ anh Nông Văn L, còn tiền mua xe là tài sản chung của vợ chồng hay tài sản riêng của anh Nông Văn L thì ông không rõ. Nay ông không có yêu cầu gì về chiếc xe trên, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C, ông Nguyễn Minh T trình bày: Bà Nông Thị M mẹ đẻ anh Nông Văn L có vay Ngân hàng số tiền 40.000.000đồng ngày 24-8-2016, mục đích vay trồng cây bạch đàn, đã trả xong nợ vào ngày 10-8-2021. Anh Nông Văn L có vay Ngân hàng số tiền 12.000.000đồng ngày 19-3-2016, mục đích vay xây bể và nhà vệ sinh, đã trả xong nợ ngày 10-3-2021. Chị Nông Thị T con bà Nông Thị M có vay Ngân hàng khoản vay thứ nhất số tiền 12.000.000đồng, mục đích vay xây bể và nhà vệ sinh, đã trả xong nợ ngày 10-11-2021 và khoản vay thứ hai số tiền 50.000.000đồng, mục đích vay trồng keo, thời hạn trả nợ vào ngày 10-9-2031; hiện còn dư nợ 50.000.000đồng này; hàng tháng chị Nông Thị T là người nộp lãi để trả.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T là con trong hộ khẩu với bà Nông Thị M: Anh Nông Văn T có chung hộ khẩu thường trú và ở cùng nhà với bà Nông Thị M, nhưng do tính chất công việc anh thường đi ra ngoài làm thuê, không có mặt ở nhà trong giờ làm việc hành chính, do vậy Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nông Thị M nhận thay. Nhưng anh Nông Văn T không đến Tòa án và cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi của mình.

Người làm chứng ông Nông Văn Đ, ông Nông Văn D trình bày: Các ông là anh em họ với anh Nông Văn L và trước đây các ông đều có mâu thuẫn với

ông Nông Văn L, bà Nông Thị M liên quan đến đất đai, mua bán gỗ. Bà Nông Thị M là người đang ở ngôi nhà tranh chấp. Các ông trình bày ngôi nhà tranh chấp là do anh Nông Văn L, chị Nguyễn Thu H xây năm 2017. Các ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, vấn đề này để có căn cứ cần giám định xây dựng.

Ông Vi Văn T trình bày: Ông là hàng xóm, ở cách ngôi nhà tranh chấp khoảng 100m. Ông không có mâu thuẫn gì với mẹ con anh Nông Văn L. Ông trình bày ngôi nhà tranh chấp là do anh Nông Văn L, chị Nguyễn Thu H xây năm 2017. Nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Bà Đường Thị Nhớ trình bày: Bà là em ruột của mẹ đẻ chị Nguyễn Thu H. Ngày 09-4-2019, bà được bà Đinh Thị L gọi vào nhà để làm chứng việc bà Đinh Thị L đưa số tiền 150.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thu H vay; hai bên có viết giấy vay tiền như chị Nguyễn Thu H đã giao nộp, khi giao nhận tiền bà không thấy có anh Nông Văn L ở đó.

Tại biên bản xác minh ngày 19/4/2023 với ông Nông Văn H - Trưởng thôn Đ và ông Hoàng Văn C – Chủ tịch UBND xã Q cho biết: Anh Nông Văn L đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thu H từ tháng 12 năm 2015, từ khi kết hôn do công việc làm ăn nên hai vợ chồng ít khi ở nhà, không mấy khi sống hay có mặt ở địa phương, chủ yếu sinh sống, làm việc tại thành phố Lạng Sơn. Đến ngày 06/4/2022, chị Nguyễn Thu H nhập khẩu vào hộ gia đình bà Nông Thị M. Tuy nhiên, từ đó đến nay chị Nguyễn Thu H không sinh sống ở nhà, đất tranh chấp hiện nay. Tài sản ngôi nhà hai tầng, các công trình trên 02 thửa đất trồng lúa nước còn lại số 538 và 591, cùng tờ bản đồ địa chính số 31 xã Quan Sơn lập năm 2005, đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AP 527387 ngày 18/12/2008 cho hộ ông Nông Minh H và bà Nông Thị M là tài sản chung của vợ chồng ông Nông Minh H, bà Nông Thị M tạo lập trong thời kỳ hôn nhân tồn tại và chưa được chia cho các con. Từ trước đến nay ngôi nhà 02 tầng và các thửa đất, công trình trên đất đều do bà Nông Thị M quản lý, sử dụng để ở và chăn nuôi lợn, gà nên địa phương xác định tài sản ngôi nhà, các công trình, cây trồng trên đất là tài sản của bà Nông Thị M. Việc bà Nông Thị M xây dựng ngôi nhà 02 tầng cùng công trình trên 02 thửa đất là trước năm 2017, do gia đình bà Nông Thị M không xin phép xây dựng, nên chính quyền địa phương không cấp giấy phép xây dựng. Thu nhập của bà Nông Thị M tại địa phương do chăn nuôi lợn, trồng hoa màu và có mở một xưởng làm gạch bê tông trước 2014 để làm gạch bán, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện vật chất, vật liệu để xây dựng được ngôi nhà 02 tầng cùng các công trình khác đang tranh chấp. Việc mở xưởng làm gạch bán là do bà Nông Thị M tự mở ra, không xin cấp phép; vài năm trở lại đây bà Nông Thị M đã không còn sản xuất gạch bán nữa, do tuổi đã cao, nhưng vẫn chăn nuôi, trồng trọt hoa màu, làm đồi rừng. Về trình tự, thủ tục chia tách quyền sử dụng đất thì gia đình chưa thực hiện. Ông Nông Văn H và ông Hoàng Văn C khẳng định việc các ông xác nhận vào đơn ngày 05/4/2023 của chị Nguyễn Thu H là chỉ xác nhận chị Nguyễn Thu H là vợ anh Nông Văn L, có kết hôn từ tháng 12/2015 và có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Q, chứ không xác

nhận nội dung liên quan về tài sản ngôi nhà 02 tầng và năm xây dựng nhà đó trong đơn xin xác nhận của chị Nguyễn Thu H. ... Việc vợ chồng anh Nông Văn L, chị Nguyễn Thu H có đóng góp công sức hay vật chất gì vào việc tạo lập, xây dựng công trình trên đất thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án để xác định và giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh với ông Chu Văn T chủ cửa hàng sơn T, theo hóa đơn bán hàng đề ngày 02/01/2020 do bị đơn Nguyễn Thu H giao nộp trong hồ sơ vụ án: Ông Chu Văn T cho biết từ năm 2020 anh Nông Văn L có đến cửa hàng mua sơn, trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến 2017 anh Nông Văn L không đến mua, trả tiền mua sơn xây nhà hay mua sơn cho khách hàng lần nào nên cũng không nợ tiền cửa hàng, không có việc anh Nông Văn L nợ tiền mua sơn năm 2014 đến ngày 02/01/2020 mới trả tiền cửa hàng.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nông Văn L và chị Nguyễn Thu H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nông Thanh T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2018 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nông Thanh T mỗi tháng 1.500.000 đồng.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn, chia tài sản chung của vợ chồng cụ thể như sau:

3.1. Anh Nông Văn L được quyền sở hữu 01 chiếc xe ô tô đã qua sử dụng, loại xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu TOYOTA (VIOS NCP93L BEMRKU), màu sơn bạc, biển kiểm soát: 30E-954.74, số khung: RL4BT923-XC9518520, số máy: 1NZY521213, sản xuất năm 2012 (viết tắt là xe ô tô biển kiểm soát: 30E-954.74), có trị giá 160.000.000 đồng. Buộc chị Nguyễn Thu H có nghĩa vụ phải trả lại cho anh Nông Văn L toàn bộ bản chính giấy tờ xe ô tô biển kiểm soát 30E-957.74

3.2. Anh Nông Văn L có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô biển kiểm soát: 30E-954.74 được chia cho chị Nguyễn Thu H với số tiền 80.000.000 đồng.

4. Giao cho bà Nông Thị M được sở hữu ngôi nhà 02 tầng tổng diện tích là 198,2m² (cấp III), xây năm 2014 trên 02 thửa đất trồng lúa nước còn lại gồm thửa đất số 538, diện tích 317m² và thửa đất số 591, diện tích 142m², cùng tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính xã Quan Sơn, đã được UBND huyện Chi Lăng cấp cùng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP 527387 ngày 08-12-2008 cho hộ ông Nông Minh H và bà Nông Thị Mầu, địa chỉ tại thôn Đ, xã Q, huyện C, có trị giá 507.702.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu anh Nông Văn L liên đới với chị Nguyễn Thu H về số tiền chị Nguyễn Thu H nợ bà Đinh Thị L,

anh Nguyễn Đường H. Buộc chị Nguyễn Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho anh Nguyễn Đường H số tiền là 220.000.000 đồng; bà Đinh Thị L số tiền là 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 09%/năm, tính từ ngày vay 09-4-2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án ngày 25/7/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn anh Nông Văn L kháng cáo yêu cầu giao cho anh được quyền nuôi con và không yêu cầu chị Nguyễn Thu H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thu H kháng cáo về tài sản chung yêu cầu được sở hữu xe ô tô và thanh toán giá trị chênh lệch cho anh Nông Văn L, yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà hai tầng cho vợ chồng anh chị theo giá trị của ngôi nhà xây năm 2017; buộc anh Nông Văn L phải thanh toán giá trị $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cho chị bằng tiền là 300.000.000 đồng; buộc anh Nông Văn L cùng chị trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho anh Nguyễn Đường H và bà Đinh Thị L.

Anh Nguyễn Đường H và bà Đinh Thị L kháng cáo yêu cầu anh Nông Văn L có trách nhiệm trả nợ khoản vay cùng chị Nguyễn Thu H.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2023/HNGĐ-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn do có vi phạm trong việc xác định khoản nợ và nghĩa vụ buộc trả nợ; vi phạm trong việc xác định nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng.

Tại cấp phúc thẩm đã thu thập được bản ảnh dữ liệu vệ tinh giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017 khu vực trên thửa đất số 538 tờ bản đồ số 31 xã Q, huyện C, thực hiện định vị vị trí (lồng ghép) khu đất với ảnh viễn thám do Công ty S cung cấp. Qua hình ảnh có thể xác định được ngôi nhà 02 tầng đang có tranh chấp được xây dựng vào thời điểm năm 2017. Sao kê tình hình giao dịch kế ước số hợp đồng LD1726300158 của khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 50/17/TD-CN/CNLS ngày 20/9/2017 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Lạng Sơn và bên vay là ông Nông Văn L, bà Nguyễn Thu H từ năm 2017 đến hết năm 2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nông Văn L, anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L giữ nguyên kháng cáo. Chị Nguyễn Thu H rút nội dung kháng cáo liên quan đến chiếc xe ô tô, giữ nguyên nội dung kháng cáo đối với tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và khoản nợ. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung tại quyết định kháng nghị phúc thẩm số 74/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 24/8/2023 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Anh Nông Văn L kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Chị

Nguyễn Thu H hiện nay đang ở nhờ nhà em trai tại Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và cháu Nông Thanh T đang học mẫu giáo ở trường mầm non Tuổi Thơ, thành phố Lạng Sơn. Trong tình hình thời tiết khắc nghiệt như hiện nay, việc chị Nguyễn Thu H đưa đón cháu đi học bằng xe máy không đảm bảo sức khỏe cho cháu khi đi học xa nhà. Trước khi chị Nguyễn Thu H đón cháu về thì cháu vẫn học ở trường mầm non Đông Mồ cạnh nhà và có sự chăm sóc của bố và bà nội. Đối với kháng cáo của bị đơn về khoản nợ, anh Nông Văn L khẳng định không được vay tiền, lời khai của anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L tại phiên tòa có mâu thuẫn, ngoài lời khai ra thì không có chứng cứ nào khác. Cả 3 giấy vay tiền không có chữ ký của anh Nông Văn L, mặt khác người làm chứng cũng khẳng định không có mặt anh Nông Văn L khi vay tiền, do đó, cấp sơ thẩm xác định đây không phải nợ chung là có cơ sở. Về yêu cầu chia nhà, việc chứng minh công sức đóng góp chưa có tài liệu thể hiện, các tài liệu cấp sơ thẩm thu thập xác định không phải là tài sản chung là có cơ sở. Về xác định nghĩa vụ án phí chi phí tố tụng nhất trí theo Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Triệu Thị Kim L trình bày: Chị Nguyễn Thu H rút một phần kháng cáo đối với tài sản chung là chiếc xe ô tô. Ngôi nhà xây dựng năm 2017, trong thời kỳ hôn nhân, nguồn tiền do công sức đóng góp của hai vợ chồng, có các nhân chứng xung quanh xác nhận. Hồ sơ ly hôn của bà Nông Thị M với ông Nông Minh H năm 2015 không thể hiện có ngôi nhà này và tại tài liệu do Công ty Sông Tô cũng cấp cũng thể hiện ngôi nhà được xây dựng vào năm 2017, do đó, có căn cứ xác định ngôi nhà là tài sản chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Khoản nợ vay anh Nguyễn Đường H và bà Đinh Thị L để trả nợ tiền xây nhà, tiền cọc mua xe và nợ tiền ngân hàng. Do có căn cứ xác định ngôi nhà là tài sản chung nên việc xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng là có căn cứ. Bà Nông Thị M năm nay đã hơn 70 tuổi, không có tài liệu thể hiện bà Nông Thị M đóng góp xây nhà như nào. Đề nghị xác định ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng nên chị Nguyễn Thu H được chia $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà. Anh Nông Văn L cho rằng chị Nguyễn Thu H vay tiền riêng nhưng cũng không nêu ra được vay tiền về làm gì là không đúng thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn L, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thu H. Đối với kháng nghị đề nghị giải quyết theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung kháng cáo: Việc kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn luật định nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

Xét kháng cáo của các đương sự thấy rằng:

Về con chung: Cả nguyên đơn, bị đơn đều chứng minh được thu nhập tuy nhiên chị Nguyễn Thu H đang làm việc tại cơ quan nhà nước ở thành phố Lạng Sơn, có thời gian đưa đón và chăm sóc con cũng như có sự hỗ trợ nhà ngoại; còn anh Nông Văn L làm lái xe đường dài thường xuyên xa nhà. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và giao con cho chị Nguyễn Thu H nuôi là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn L.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thu H yêu cầu xác định ngôi nhà 02 tầng là tài sản chung của vợ chồng và được chia $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà. Chị Nguyễn Thu H cho rằng ngôi nhà xây năm 2017 từ nguồn tiền hai vợ chồng tích góp được và tiền vay của anh Nguyễn Đường H, còn anh Nông Văn L cho rằng đây là tài sản riêng của bà Nông Thị M xây dựng năm 2014 không phải tài sản chung của vợ chồng. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã thu thập bổ sung tài liệu do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô cung cấp là bản ảnh dữ liệu vệ tinh giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017 khu vực trên thửa đất số 538 tờ bản đồ số 31 xã Q, huyện C, thực hiện định vị vị trí (lồng ghép) khu đất với ảnh viễn thám, xác định năm 2017 thể hiện trên khu đất có ngôi nhà đang xây dựng. mặt khác, theo các tài liệu hồ sơ giải quyết ly hôn giữa ông Nông Minh H và bà Nông Thị M năm 2015, tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2015 ông Nông Minh H trình bày về tài sản chung có 02 ngôi nhà cấp 4, trong đó có 01 nhà do bà Nông Thị M ở tại thửa 538. Như vậy có căn cứ xác định ngôi nhà trên được xây trong thời kỳ hôn nhân và là tài sản chung của hai vợ chồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thu H.

Về khoản nợ: Tại cấp sơ thẩm chưa xác định làm rõ khoản nợ giữa anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L là khoản nợ chung hay nợ riêng của chị Nguyễn Thu H mà đã xác định đây là khoản nợ riêng của chị Nguyễn Thu H và buộc chị phải trả nợ cho anh Nguyễn Đường H và bà Đinh Thị L là không đảm bảo, vi phạm trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ.

Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L.

Đối với kháng nghị: Từ những nhận định nêu trên xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nông Văn L; chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thu H, anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, hủy một phần bản án sơ thẩm số 13/2023/HNGĐ-ST ngày 25-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đối với phần tài sản và nợ. Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án sẽ được xem xét, giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nông Văn L yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nông Thanh T: Xét về điều kiện, hoàn cảnh nuôi con thấy rằng cả nguyên đơn, bị đơn đều chứng minh được thu nhập cá nhân, mặc dù anh Nông Văn L có thu nhập cao hơn chị Nguyễn Thu H, tuy nhiên anh Nông Văn L làm lái xe hợp đồng cho Công ty bê tông Lạng Sơn nên hạn chế về thời gian, điều kiện chăm sóc con chung. Chị Nguyễn Thu H đang làm việc tại cơ quan hành chính Nhà nước ở thành phố Lạng Sơn, có thời gian đưa đón và chăm sóc con cũng như có sự hỗ trợ nhà ngoại. Hiện tại cháu Nông Thanh T đang ở với mẹ và đang học mẫu giáo tại đó. Để đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho con, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, anh Nông Văn L không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn L.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo về tài sản chung: Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã thu thập bổ sung tài liệu do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô cung cấp là bản ảnh dữ liệu vệ tinh giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017 khu vực trên thửa đất số 538 tờ bản đồ số 31 xã Q, huyện C, thực hiện định vị vị trí (lồng ghép) khu đất với ảnh viễn thám, xác định năm 2017 thể hiện trên khu đất có ngôi nhà đang xây dựng. Phù hợp với lời khai của những người làm chứng ông Nông Văn Đ, anh Nông Văn D, ông Vi Văn T là những người sinh sống tại gần khu đất đều xác nhận ngôi nhà đang có tranh chấp do hai vợ chồng anh Nông Văn L và chị Nguyễn Thu H xây từ năm 2017.

[4] Mặt khác, theo các tài liệu hồ sơ giải quyết ly hôn giữa ông Nông Minh H và bà Nông Thị M năm 2015, tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2015 ông Nông Minh H trình bày về tài sản chung có 02 ngôi nhà cấp 4, trong đó có 01 nhà do bà Nông Thị M ở tại thửa 538. Như vậy có căn cứ xác định ngôi nhà trên được xây trong thời kỳ hôn nhân và là tài sản chung của hai vợ chồng.

[5] Xét kháng cáo về phần nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, những người liên quan anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L đều không có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu trả nợ, Tòa sơ thẩm cũng chưa xác minh thu thập làm rõ có việc vay nợ giữa chị Nguyễn Thu H và những người cho vay nêu trên hay không, nhưng bản án sơ thẩm đã xác định những khoản nợ này là khoản nợ riêng của chị Nguyễn Thu H và buộc chị Nguyễn Thu H phải trả nợ anh Nguyễn Đường H số tiền 220.000.000 đồng, trả nợ cho bà Đinh Thị L số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 09%/ năm tính từ ngày vay 09/4/2019 là không đảm bảo,

vi phạm trong việc thụ lý đối với khoản nợ, vi phạm trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ theo quy định tại Điều 97, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết, chưa quyết định về quyền và nghĩa vụ các bên đối với tài sản và các khoản nợ trên. Xét thấy, cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của đương sự, không đảm bảo hai cấp xét xử. Vì vậy, để vụ án được giải quyết khách quan, toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, cần hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2023/HNGĐ-ST ngày 25-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn về chia tài sản chung và nợ chung; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết lại về chia tài sản chung và nợ chung theo thủ tục chung. Nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu chia tài sản chung, về nợ chung, về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án sẽ được xem xét, giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho anh Nông Văn L, chị Nguyễn Thu H, anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, Điều 296, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nông Văn L đối với yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nông Thanh T.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L. Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2023/HNGĐ-ST ngày 25-7-2023 của Tòa án

nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn về chia tài sản chung và nợ chung; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại vụ án (về chia tài sản chung và nợ chung) theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nông Văn L, chị Nguyễn Thu H, anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nông Văn L, chị Nguyễn Thu H, anh Nguyễn Đường H, bà Đinh Thị L mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003374 ngày 14 tháng 8 năm 2023; số AA/2021/0003378 ngày 15 tháng 8 năm 2023; số AA/2021/0003380 ngày 15 tháng 8 năm 2023 và số AA/2021/0003379 ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.C, tỉnh Lạng Sơn;
- Đường sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tuệ